

Số: 14 /2018/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

“Quy định cơ chế, chính sách huy động nguồn lực hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho phát triển hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020”

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: ...1335.....
	Ngày: ...21/12.....
	Chuyên:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 6612/TTr-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy định cơ chế, chính sách huy động nguồn lực hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho phát triển hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ”; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cơ chế, chính sách huy động nguồn lực hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho phát triển hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020 với nội dung chủ yếu sau:

1. Đối tượng áp dụng: Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong các ngành: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi (sau đây gọi chung là hợp tác xã nông nghiệp) thành lập, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc và quy định của Luật hợp tác xã năm 2012.

2. Tiêu chí xét hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp.

3. Nguyên tắc thực hiện:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, thị xã, huyện, xã, phường, thị trấn huy động và quản lý các nguồn lực thông qua việc xây dựng, phê duyệt kế hoạch, danh mục công trình đầu tư hàng năm.

b) Việc huy động vốn đóng góp của hợp tác xã theo quy định tại Quyết định 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Nguồn lực thực hiện:

a) Ngân sách trung ương: Nguồn vốn trực tiếp hỗ trợ phát triển hợp tác xã; nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Ngân sách địa phương: Nguồn vốn ngân sách tỉnh (ngân sách tập trung, vốn đầu tư theo tiêu chí, xỏ số kiến thiết,...); ngân sách thành phố, thị xã, huyện, xã, phường, thị trấn; nguồn vốn huy động của hợp tác xã.

5. Cơ chế sử dụng nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng hợp tác xã nông nghiệp:

a) Thực hiện lồng ghép các nguồn lực huy động (nguồn vốn của ngân sách trung ương, tỉnh, thành phố, huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn và vốn đóng góp của hợp tác xã)

b) Tỷ lệ hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp giai đoạn 2016-2020 tỉnh Thừa Thiên Huế (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

c) Tổng mức đầu tư để tính tỷ lệ hỗ trợ đầu tư:

Tổng mức đầu tư để áp dụng tính tỷ lệ hỗ trợ đầu tư là tổng mức đầu tư xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi trừ các khoản: dự phòng phí; bồi thường, giải phóng mặt bằng; giá trị đất và tài sản trên đất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2018. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, Tp. Huế;
- Công thông tin điện tử TT. Huế;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, LT.



CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu



PHỤ LỤC

**TỶ LỆ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
KẾT CẤU HẠ TẦNG CHO HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 14/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 Quy định cơ chế, chính sách huy động nguồn lực hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho phát triển hợp tác xã nông, lâm, ngư, diêm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016-2020)

TT	Danh mục công trình	Tỷ lệ hỗ trợ theo tổng mức đầu tư (%)			
		Các xã thuộc huyện Nam Đông, A Lưới; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; các xã 135		Các xã, phường, thị trấn còn lại	
		Ngân sách nhà nước (Trung ương, tỉnh, huyện, thị xã, xã)	Nguồn vốn của hợp tác xã	Ngân sách nhà nước (Trung ương, tỉnh, thành phố, thị xã, huyện, xã, phường, thị trấn)	Nguồn vốn của hợp tác xã
1	Xưởng sơ chế, chế biến bao gồm: <i>Xưởng sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung</i>	80	20	70	30
2	Công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: <i>hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng hải sản tập trung của hợp tác xã nông nghiệp trên biển</i>	80	20	70	30
3	Công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp bao gồm: <i>Cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; Đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp.</i>	80	20	70	30
4	Công trình điện, nước sinh hoạt, chợ bao gồm:				

TT	Danh mục công trình	Tỷ lệ hỗ trợ theo tổng mức đầu tư (%)			
		Các xã thuộc huyện Nam Đông, A Lưới; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; các xã 135		Các xã, phường, thị trấn còn lại	
		Ngân sách nhà nước (Trung ương, tỉnh, huyện, thị xã, xã)	Nguồn vốn của hợp tác xã	Ngân sách nhà nước (Trung ương, tỉnh, thành phố, thị xã, huyện, xã, phường, thị trấn)	Nguồn vốn của hợp tác xã
4.1	Hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.	80	20	70	30
4.2	Công trình nước sinh hoạt gồm khu đầu mối và hệ thống đường ống cấp nước các khu vực trên địa bàn.	80	20	70	30
4.3	Chợ đầu mối, đấu giá nông sản.	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 2 tỷ đồng	Phần còn lại	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 2 tỷ đồng	Phần còn lại
5	Sân phơi, nhà kho, cửa hàng vật tư nông nghiệp				
5.1	Sân phơi	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 0,3 tỷ đồng	Phần còn lại	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 0,3 tỷ đồng	Phần còn lại
5.2	Nhà kho	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 0,5 tỷ đồng	Phần còn lại	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 0,5 tỷ đồng	Phần còn lại
5.3	Cửa hàng vật tư nông nghiệp	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 0,5 tỷ đồng	Phần còn lại	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 0,5 tỷ đồng	Phần còn lại
6	Trụ sở làm việc	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 0,5 tỷ đồng	Phần còn lại	50% TMĐT dự án nhưng tối đa 0,5 tỷ đồng	Phần còn lại